

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/DS-ST

Ngày 31-10-2018

V/v: “*Kiến đòi lại quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH.**

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Văn Tùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Kiêm;
Bà Trần Thị Phụng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Sinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1925;

Địa chỉ: Xóm 8B, xã Hải Đ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Xóm 8B, xã Hải Đ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Người làm chứng: Anh Bùi Mạnh T1, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Xóm 8B, xã Hải Đ, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Có mặt ông Đ, bà M, anh T1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Bùi Văn Đ trình bày:

Năm 1986, ông Đ không nhớ rõ ngày, tháng bà Trần Thị M (vợ ông Vũ Đức T là người cùng xóm ở cạnh nhà nhau) có hỏi mượn đất của ông Đ để trồng cây vì bố mẹ ông T chỉ cho có một sào đất để làm nhà, sân và ao không có đất trồng cây,

việc mượn đất hai bên chỉ nói bằng miệng không có ký kết bằng văn bản. Do có mối quan hệ tình làng, nghĩa xóm, hai nhà sống gần nhau nên ông Đ có nhận lời. Khi ông Đ đi vắng vài ngày mới về thì đã thấy ông T chồng bà M đã đánh tre cây vào vườn nhà ông Đ. Ông Đ có hỏi con là anh Bùi Mạnh T1 thì anh T1 có nói bà M đã hỏi, ông Đ đã đồng ý nên anh T1 đã đo cho khoảng 04 miếng đất (144m²) mà ông Đ đang trồng cây. Sau khi mượn đất rất lâu không thấy gia Đ bà M trả, ông Đ có hỏi thì ông Vũ Đức T chồng bà M có nói là mượn đất của tập thể không mượn của ông Đ. Vì vậy ông Đ làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà M phải trả lại ông diện tích đất đã mượn là 144m².

- Bị đơn bà Trần Thị M trình bày: Ông Đ khai cho gia Đ bà M mượn đất là hoàn toàn không có, từ trước tới nay gia Đ bà M chưa bao giờ hỏi mượn đất của gia Đ ông Đ. Bà M công nhận phần diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc là do trước đây ông Đ vượt lập lên từ ruộng để làm vườn. Đến năm 1981 do không đủ sức đóng góp nghĩa vụ với nhà nước nên ông Đ đã trả lại đất cho Hợp tác xã Thống Nhất, xã Hải Đường, Hợp tác xã đã giao cho tổ mẫu của hợp tác xã trồng cây từ năm 1981 đến năm 1986. Năm 1986 tổ mẫu giải thể, ông Đ có rủ gia Đ bà M nếu có làm thì ông Đ sẽ hỏi xã cho để gia Đ bà M và anh T1 chia nhau làm và nộp thuế. Gia Đ bà M nhất trí và cùng anh T1 đã chia nhau làm. Gia Đ bà M và anh T1 cùng cây tre để phân định mốc giới, hàng tre đến nay vẫn còn. Phần diện tích đất này đến nay gia Đ bà M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy nay ông Đ khởi kiện yêu cầu gia Đ bà M phải trả lại đất, bà M không nhất trí vì tuy trước đây đất là do ông Đ vượt lên từ ruộng để trồng cây nhưng sau đó ông Đ đã trả lại đất cho nhà nước và nhà nước đã giao cho gia Đ bà M để trồng cây, gia Đ bà M đã nộp thuế đầy đủ cho nhà nước từ năm 1986 đến nay. Nhà nước đã nhiều lần đo đạc nhưng ông Đ không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, ông Bùi Văn Đ và bà Trần Thị M vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải, tổng đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 98, 170, 171, 175, 177 và 220 BLTTDS. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS như cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là do ông Bùi Văn Đ sử dụng và có công vượt lập nhưng từ năm 1981 ông Đ đã trả lại đất cho nhà nước, sau đó nhà nước đã giao diện tích đất này cho tổ mẫu của hợp tác xã Thống Nhất xã Hải Đường trồng cây. Năm 1986 tổ mẫu của hợp tác xã Thống Nhất giải thể, nhà nước đã giao diện tích đất này cho gia Đ bà Trần Thị M sử dụng ổn định từ đó cho đến nay không xảy ra tranh chấp, năm 1999 gia Đ bà M đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên yêu cầu khởi kiện của

ông Đ là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ kiện đòi lại quyền sử dụng đất diện tích 144 m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi Văn Đ có đơn khởi kiện “Tranh chấp về đòi lại quyền sử dụng đất” theo khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thửa đất có tranh chấp có địa chỉ ở xóm 8B xã Hải Đường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án thì thấy: Ông Bùi Văn Đ yêu cầu bà Trần Thị M phải trả lại diện tích 144m² đất mà trước đây bà M đã hỏi mượn ông Đ để trồng cây. Do gia Đ bà M không trả nên ông Đ đã khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà M phải trả lại toàn bộ diện tích đất đã mượn là 144m² nhưng bà M không đồng ý.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì thấy: Ông Đ cho rằng năm 1986, bà M có hỏi mượn đất vườn của gia Đ ông Đ để trồng cây nhưng đến nay không trả. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều thể hiện: Nguồn gốc mảnh đất vườn đang có tranh chấp trước đây là do ông Đ vượt lập lên từ đất ruộng, từ năm 1981 tổ mẫu của Hợp tác xã Thống Nhất xã Hải Đường đã sử dụng trồng cây hoa màu đến năm 1986 sau khi tổ mẫu giải thể thì nhà nước đã giao diện tích đất này cho gia Đ bà M sử dụng trồng cây từ đó đến nay. Ông Đ cho rằng gia Đ bà M mượn đất của ông để trồng cây nhưng bà M không công nhận, đến nay ông Đ cũng không đưa ra được căn cứ gì để chứng minh gia Đ bà M mượn đất của ông Đ. Mặt khác khi đo đạc và cân đối đất trong thổ và đất ngoài đồng theo Đề án số 68/ĐA-UB ngày 06/5/1992 của UBND huyện Hải Hậu về “Đổi mới tổ chức quản lý HTX nông nghiệp” thì hộ ông Bùi Văn Đ không có diện tích đất mà ông Đ cho rằng đã cho bà M mượn và tại thời điểm đó do diện tích đất trong thổ của hộ ông Đ có dư nên hộ ông Đ đã được cân đối bị trừ đi 220m² đất ruộng, hộ gia Đ bà M cũng đã được cân đối giữa đất trong thổ và đất ngoài đồng. Do đó gia Đ bà M đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng diện tích đất này là hợp pháp. Tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 14/9/1999 ông Bùi Văn Đ cũng không đăng ký phần diện tích đất 144m² mà ông Đ khai đã cho gia Đ bà M mượn. Theo quy định điểm a tiểu mục 2.4. mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn thì trong trường hợp này ông Đ không có quyền đòi lại quyền sử dụng đất. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Đ đối với bà Trần Thị M là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Do yêu cầu của ông Bùi Văn Đ không được chấp nhận nên cần buộc ông Đ chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Do ông Đ là người cao tuổi nên theo quy định tại

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì ông Đ được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp sẽ được hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 1 Luật đất đai năm 1987; khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Khoản 2, Điều 10 Luật đất đai năm 2003; khoản 1, khoản 5 Điều 26, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; các Điều 147, 164, 165, 166, Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 164, 165 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a tiểu mục 2.4. mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại 144m² đất vườn của ông Bùi Văn Đ đối với bà Trần Thị M.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:

- Miễn án dân sự sơ thẩm cho ông Bùi Văn Đ. Hoàn trả lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002355 ngày 29/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

- Ông Bùi Văn Đ phải nộp 4.000.000đ (bốn triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Số tiền này ông Đ đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự: 2 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 1 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải Đ: 1 bản;
- Hồ sơ vụ án: 1 bản;
- Lưu VP: 1 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Văn Tùng